

THÔNG BÁO

Kết quả tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021 - 2022

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ các Văn bản: số 4848/UBND-PC₁ ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021-2022; số 1387/SNV-CCVC ngày 29/7/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021-2022; số 1510/SNV-CCVC ngày 13/8/2021 của Sở Nội vụ về việc thống nhất cơ cấu tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021-2022;

Thực hiện Kế hoạch số 2548/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện Cẩm Xuyên về tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021-2022; Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc ban hành Nội quy, Quy chế tuyển dụng viên chức giáo dục, năm học 2021-2022; Căn cứ Biên bản tổng hợp điểm thi viết chuyên ngành ngày 30/10/2021, Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục thông báo kết quả tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021 - 2022 như sau:

- Tổng số thí sinh đăng ký dự thi: 236 thí sinh;
- Tổng số thí sinh dự tuyển vòng 2: 185 thí sinh;
- Tổng số thí sinh vắng mặt: 51 thí sinh.

(Có danh sách kết quả thi tuyển vòng 2 kèm theo)

Thời gian nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 02/11/2021.

Thí sinh nào có sai sót về thông tin cá nhân hoặc diện ưu tiên phản ánh về Hội đồng tuyển dụng (qua phòng Nội vụ) để xem xét giải quyết.

Thông báo này thay thế Thông báo số 13/TB-HĐTD ngày 02/11/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục về kết quả tuyển dụng viên chức giáo dục (vòng 2).

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2021 - 2022 thông báo để các thí sinh được biết./. *(K)*

Nơi nhận:

- TT Văn hóa - Truyền thông huyện;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng: Nội vụ, GD&ĐT;
- Các thành viên HĐTD;
- Ban Giám sát;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Văn Thắng**

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021-2022 (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số: 14/TB-HĐTD ngày 03/11/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ		Trình độ chuyên môn		Điểm tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ			Chuyên ngành					
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12
I Vị trí: Giáo viên Mầm non												
1	MN 01	Ngô Thùy An	12/6/1992	ĐH			GD Mầm non			60,0	60,0	
2	MN 02	Trần Thị Lan Anh	23/7/1991	ĐH			GD Mầm non			83,0	83,0	
3	MN 03	Thái Thị Bảo	02/9/1992	CĐ			GD Mầm non			34,0	34,0	
4	MN 04	Nguyễn Thị Cảnh	20/5/1994	ĐH			GD Mầm non			80,0	80,0	
5	MN 05	Nguyễn Thị Chinh	01/6/1999	ĐH			GD Mầm non			39,0	39,0	
6	MN 06	Cao Thị Chung	03/9/1999	ĐH			GD Mầm non			43,0	43,0	
7	MN 07	Nguyễn Thị Hồng Diên	11/12/1992	ĐH			GD Mầm non			40,0	40,0	
8	MN 08	Võ Thị Diên	05/6/1991	ĐH			GD Mầm non			43,0	43,0	
9	MN 09	Nguyễn Thị Dung	14/02/1999	ĐH			GD Mầm non			72,5	72,5	
10	MN 10	Nguyễn Thị Dung	10/3/1995	ĐH			GD Mầm non			62,5	62,5	
11	MN 11	Nguyễn Thị Dung	10/5/1992	ĐH			GD Mầm non			83,0	83,0	
12	MN 12	Trần Thị Thùy Dương	05/06/1996	ĐH			GD Mầm non				Vắng thi	
13	MN 13	Bùi Thị Duyên	15/10/1996	ĐH			GD Mầm non			86,0	86,0	
14	MN 14	Lê Thị Mỹ Duyên	18/4/1997	ĐH			GD Mầm non			60,5	60,5	
15	MN 15	Trần Thị Giang	27/12/1992	ĐH			GD Mầm non			82,0	82,0	

16	MN 16	Nguyễn Thị Trà	Giang	21/10/1996	CD	GD Mầm non				41,5	41,5	
17	MN 17	Nguyễn Thị	Hà	13/8/1998	DH	GD Mầm non				53,0	53,0	
18	MN 18	Trần Thị	Hà	16/6/1999	DH	GD Mầm non				27,0	27,0	
19	MN 19	Vân Thị	Hà	10/9/1993	CD	GD Mầm non	Con TB 4/4	5		83,0	88,0	
20	MN 20	Đinh Thị	Hà	22/6/1997	CD	GD Mầm non					Vắng thi	
21	MN 21	Trần Thị	Hà	19/11/1983	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
22	MN 22	Trần Thị	Hà	10/3/1995	DH	GD Mầm non				50,0	50,0	
23	MN 23	Thái Thị Thu	Hà	11/7/1997	DH	GD Mầm non				39,0	39,0	
24	MN 24	Hà Thị	Hằng	14/01/1995	DH	GD Mầm non				84,0	84,0	
25	MN 25	Nguyễn Thị	Hằng	23/7/1998	CD	SP Mầm non				42,0	42,0	
26	MN 26	Trần Thị	Hằng	16/07/1995	DH	GD Mầm non				32,0	32,0	
27	MN 27	Trần Thị Thu	Hằng	22/04/1993	CD	GD Mầm non				84,0	84,0	
28	MN 28	Lê Thị Thúy	Hằng	28/11/1991	DH	GD Mầm non				40,0	40,0	
29	MN 29	Đinh Thị Thúy	Hằng	12/7/1990	CD	GD Mầm non					Vắng thi	
30	MN 30	Võ Thị Hồng	Hạnh	06/01/1999	DH	GD Mầm non				36,5	36,5	
31	MN 31	Phan Thị	Hạnh	25/01/1999	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
32	MN 32	Lê Thị	Hậu	08/02/1999	CD	GD Mầm non				85,0	85,0	
33	MN 33	Nguyễn Thị Thu	Hiền	27/9/1994	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
34	MN 34	Hoàng Thị Thanh	Hoa	10/02/1993	CD	GD Mầm non				58,0	58,0	
35	MN 35	Phạm Thị	Hoa	20/10/1987	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
36	MN 36	Trần Thị	Hòa	13/7/1996	DH	GD Mầm non				37,0	37,0	
37	MN 37	Phan Thị	Huế	19/5/1993	CD	GD Mầm non				83,0	83,0	

38	MN 38	Phan Thị	Huệ	16/9/1999	ĐH	GD Mầm non				84,0	84,0
39	MN 39	Võ Thị	Hường	10/4/1997	CĐ	GD Mầm non				30,0	30,0
40	MN 40	Lương Thị Lệ	Huyền	17/11/1993	ĐH	GD Mầm non				65,0	65,0
41	MN 41	Hoàng Thị Khánh	Huyền	08/02/1995	ĐH	GD Mầm non				50,0	50,0
42	MN 42	Nguyễn Thị	Huyền	27/11/1994	ĐH	GD Mầm non					Vắng thi
43	MN 43	Hoàng Thị	Huyền	19/6/1999	ĐH	GD Mầm non					Vắng thi
44	MN 44	Kiều Thị Thanh	Huyền	10/8/1994	CĐ	GD Mầm non				83,0	83,0
45	MN 45	Bùi Thị	Huyền	22/02/1995	ĐH	GD Mầm non				64,0	64,0
46	MN 46	Hoàng Thị	Huyền	25/10/1994	CĐ	GD Mầm non					Vắng thi
47	MN 47	Hồ Thị	Huyền	22/02/1994	ĐH	GD Mầm non				48,0	48,0
48	MN 48	Đinh Thị	Huyền	06/4/1999	ĐH	GD Mầm non					Vắng thi
49	MN 49	Bùi Thị Thế	Kỷ	19/01/1999	ĐH	SP Mầm non					Vắng thi
50	MN 50	Nguyễn Thị	Lâm	28/12/1989	CĐ	GD Mầm non				65,5	65,5
51	MN 51	Hồ Thị	Lan	28/4/1999	ĐH	GD Mầm non				37,5	37,5
52	MN 52	Trần Thị	Lân	18/10/1996	CĐ	GD Mầm non				85,0	85,0
53	MN 53	Phạm Thị	Liên	23/3/1990	CĐ	GD Mầm non				79,0	79,0
54	MN 54	Lê Thị	Liên	08/01/1994	ĐH	GD Mầm non				60,0	60,0
55	MN 55	Nguyễn Thị	Linh	16/8/1997	ĐH	SP Mầm non				50,5	50,5
56	MN 56	Lê Thị Khánh	Linh	16/8/1999	CĐ	GD Mầm non				60,0	60,0
57	MN 57	Trương Thị	Linh	05/6/1997	ĐH	GD Mầm non				40,5	40,5
58	MN 58	Trương Thị Nhật	Linh	18/12/1996	ĐH	GD Mầm non				70,0	70,0
59	MN 59	Lê Thị Thùy	Linh	07/10/1994	ĐH	GD Mầm non				62,0	62,0

60	MN 60	Dương Thị Thùy	Linh	04/7/1997	CD	GD Mầm non				63,0	63,0	
61	MN 61	Nguyễn Thị Ánh	Linh	19/12/1999	CD	GD Mầm non				38,0	38,0	
62	MN 62	Nguyễn Thị	Loan	07/8/1999	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
63	MN 63	Hà Thị	Loan	04/6/1999	DH	GD Mầm non				48,0	48,0	
64	MN 64	Nguyễn Thị	Loan	17/12/1990	CD	SP Mầm non				45,0	45,0	
65	MN 65	Nguyễn Thị	Luyến	23/4/1989	DH	GD Mầm non	Con TB 4/4	5		88,0	93,0	
66	MN 66	Nguyễn Thị	Lý	19/02/1983	CD	SP Mầm non				73,0	73,0	
67	MN 67	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/11/1997	DH	GD Mầm non				80,0	80,0	
68	MN 68	Trần Thị	Mây	22/08/1998	CD	GD Mầm non				85,0	85,0	
69	MN 69	Nguyễn Thị	Minh	23/3/1991	DH	GD Mầm non				55,0	55,0	
70	MN 70	Phan Thị	Mỹ	14/6/1994	DH	GD Mầm non				60,0	60,0	
71	MN 71	Lê Thị	Nam	10/3/1990	DH	GD Mầm non	Con TB 3/4	5		82,0	87,0	
72	MN 72	Đinh Thị	Nga	09/12/1995	DH	GD Mầm non				56,0	56,0	
73	MN 73	Phan Thị	Nga	23/7/1994	CD	GD Mầm non				82,0	82,0	
74	MN 74	Nguyễn Thị	Nga	03/5/1993	DH	GD Mầm non				69,5	69,5	
75	MN 75	Trần Thị	Nga	08/3/1999	DH	GD Mầm non				81,0	81,0	
76	MN 76	Trương Thị Thúy	Nga	29/5/1999	DH	GD Mầm non				67,5	67,5	
77	MN 77	Cao Thị	Nga	09/6/1996	CD	GD Mầm non					Vắng thi	
78	MN 78	Vũ Thị	Nga	02/4/1999	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
79	MN 79	Nguyễn Thị Mai	Nga	06/10/1992	DH	GD Mầm non				50,0	50,0	
80	MN 80	Nguyễn Thị	Ngân	02/5/1997	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
81	MN 81	Bùi Hồ Bảo	Ngọc	26/4/1999	DH	GD Mầm non	Con TB 4/4	5		80,0	85,0	

82	MN 82	Trần Thị Ngọc	20/10/1994	CD	GD Mầm non			82,0	82,0	
83	MN 83	Nguyễn Thị Nhàn	06/02/1993	ĐH	GD Mầm non	Con TB 4/4	5	73,5	78,5	
84	MN 84	Nguyễn Thị Quỳnh Như	19/4/1995	ĐH	GD Mầm non	Con BB 2/3	5	51,0	56,0	
85	MN 85	Đinh Thị Nhung	10/01/1999	ĐH	GD Mầm non				Vắng thi	
86	MN 86	Nguyễn Thị Oanh	28/07/1990	CD	GD Mầm non			71,0	71,0	
87	MN 87	Đinh Thị Kim Oanh	23/9/1998	CD	GD Mầm non				Vắng thi	
88	MN 88	Nguyễn Thị Phương	11/3/1998	ĐH	SP Mầm non			48,0	48,0	
89	MN 89	Đặng Thị Hà Phương	12/02/1996	CD	SP Mầm non			83,0	83,0	
90	MN 90	Đặng Thị Phương	23/01/1999	ĐH	GD Mầm non			83,5	83,5	
91	MN 91	Nguyễn Thị Mai Phương	11/11/1997	ĐH	GD Mầm non			62,0	62,0	
92	MN 92	Nguyễn Thị Phương	10/12/1994	CD	GD Mầm non			80,5	80,5	
93	MN 93	Cao Thị Phương	20/10/1994	CD	GD Mầm non				Vắng thi	
94	MN 94	Đinh Văn Sỹ	05/9/1997	CD	GD Mầm non				Vắng thi	
95	MN 95	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/04/1998	ĐH	GD Mầm non			57,0	57,0	
96	MN 96	Nguyễn Thị Thắm	24/6/1994	ĐH	GD Mầm non			48,5	48,5	
97	MN 97	Nguyễn Thị Thắng	03/12/1993	ĐH	SP Mầm non			55,0	55,0	
98	MN 98	Hoàng Thị Thanh	17/6/1998	ĐH	GD Mầm non			68,0	68,0	
99	MN 99	Nguyễn Thị Thanh	04/01/1991	ĐH	GD Mầm non			84,0	84,0	
100	MN 100	Hồ Thị Phương Thảo	13/9/1999	ĐH	GD Mầm non				Vắng thi	
101	MN 101	Đương Thị Thảo	11/01/1996	ĐH	GD Mầm non				Vắng thi	
102	MN 102	Võ Thị Thảo	05/6/1995	ĐH	GD Mầm non			61,0	61,0	
103	MN 103	Trần Thị Thi	12/02/1994	ĐH	GD Mầm non				Vắng thi	

104	MN 104	Nguyễn Thị Hà	Thu	05/9/1991	DH	GD Mầm non				83,5	83,5	
105	MN 105	Nguyễn Thị	Thư	21/3/1994	CD	GD Mầm non				75,0	75,0	
106	MN 106	Lê Thị	Thương	17/01/1992	DH	SP Mầm non				86,0	86,0	
107	MN 107	Lê Thị	Thương	05/10/1999	CD	GD Mầm non				61,0	61,0	
108	MN 108	Bùi Thị	Thương	04/3/1997	DH	GD Mầm non				58,0	58,0	
109	MN 109	Nguyễn Thị	Thúy	11/3/1993	DH	GD Mầm non				88,0	88,0	
110	MN 110	Đặng Thị	Thúy	05/3/1993	CD	GD Mầm non				40,0	40,0	
111	MN 111	Nguyễn Thị	Thúy	05/6/1997	DH	GD Mầm non				40,5	40,5	
112	MN 112	Phan Thị	Tình	06/02/1994	CD	GD Mầm non				61,0	61,0	
113	MN 113	Hồ Thị	Tình	12/4/1985	DH	SP Mầm non	Con TB 4/4	5		64,5	69,5	
114	MN 114	Đặng Thị	Tình	10/9/1992	CD	GD Mầm non	Con TB 4/4	5		41,0	46,0	
115	MN 115	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	30/12/1993	DH	GD Mầm non				54,5	54,5	
116	MN 116	Bùi Thị	Trang	10/10/1991	DH	GD Mầm non				63,0	63,0	
117	MN 117	Dương Thị Huyền	Trang	05/8/1998	DH	GD Mầm non				40,0	40,0	
118	MN 118	Phạm Thị	Trang	01/6/1994	CD	GD Mầm non	Con TB 4/4	5		80,0	85,0	
119	MN 119	Nguyễn Thị	Trang	19/8/1992	DH	GD Mầm non				85,0	85,0	
120	MN 120	Nguyễn Thị	Trang	16/11/1997	DH	GD Mầm non				80,0	80,0	
121	MN 121	Nguyễn Thị	Trang	28/7/1992	DH	GD Mầm non				47,0	47,0	
122	MN 122	Nguyễn Thị	Trinh	23/11/1996	CD	SP Mầm non				81,0	81,0	
123	MN 123	Nguyễn Thị	Tú	02/01/1996	DH	GD Mầm non				54,0	54,0	
124	MN 124	Đinh Thị Ánh	Tuyết	12/01/1997	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
125	MN 125	Nguyễn Thị	Vân	17/11/1995	DH	GD Mầm non				68,0	68,0	

126	MN 126	Nguyễn Thị Kiều	Vân	01/8/1995	DH	GD Mầm non				83,0	83,0	
127	MN 127	Lê Thị	Vân	10/11/1996	CD	GD Mầm non					Vắng thi	
128	MN 128	Bùi Thị Mộng	Vân	18/8/1993	DH	GD Mầm non				40,0	40,0	
129	MN 129	Phạm Thị	Vinh	08/3/1994	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
130	MN 130	Nguyễn Hồng	Vinh	24/7/1995	DH	GD Mầm non					Vắng thi	
131	MN 131	Phan Thị	Yến	05/7/1992	CD	GD Mầm non				81,0	81,0	
132	MN 132	Nguyễn Thị Hai	Yến	24/10/1999	CD	GD Mầm non				64,0	64,0	

Danh sách này có 132 thí sinh.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC

UBND HUYỆN CẨM XUYỀN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIỆN CHỨC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021-2022 (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số: 14/TB-HĐTD ngày 03/11/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục)

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn		Điểm tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết		Tổng điểm	Ghi chú	
				Trình độ	Chuyên ngành			Toán	Tiếng Việt			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
	II	Vị trí: Giáo viên Tiểu học										
1	TH01	Cao Thị Bé	03/01/1993	ĐH	GD Tiểu học				29,5	24,0	53,5	
2	TH02	Nguyễn Thị Bình	20/02/1990	ĐH	GD Tiểu học				38,0	25,0	63,0	
3	TH03	Đinh Thị Châu	28/9/1995	ĐH	GD Tiểu học		DT thiếu số	5	9,0	14,0	28,0	
4	TH04	Nguyễn Thị Hồng Châu	15/03/1997	ĐH	GD Tiểu học				32,0	28,25	60,25	
5	TH05	Cao Thị Chi	20/02/1999	ĐH	GD Tiểu học				39,0	33,0	72,0	
6	TH06	Đinh Mạnh Cường	06/6/1997	ĐH	GD Tiểu học				29,0	23,0	52,0	
7	TH07	Đinh Hoàng Nhật Đan	14/8/1994	ĐH	GD Tiểu học		DT thiếu số	5			Vắng thi	
8	TH08	Nguyễn Đình Diễm	16/01/1981	ĐH	GD Tiểu học				37,0	36,0	73,0	
9	TH09	Đinh Thanh Diệu	02/3/1990	ĐH	GD Tiểu học				8,5	7,0	15,5	
10	TH10	Trần Thị Dịu	05/7/1987	ĐH	GD Tiểu học						Vắng thi	
11	TH11	Đinh Thị Lệ Dung	03/4/1998	ĐH	GD Tiểu học				46,0	25,0	71,0	
12	TH12	Đinh Thị Thu Hà	08/3/1999	ĐH	GD Tiểu học						Vắng thi	
13	TH13	Đinh Văn Hà	23/8/1989	ĐH	GD Tiểu học				3,0	7,75	10,75	
14	TH14	Trương Thúy Hà	14/02/1996	ĐH	GD Tiểu học				41,0	30,0	71,0	
15	TH15	Từ Thị Nguyệt Hà	28/02/1999	ĐH	GD Tiểu học						Vắng thi	
16	TH16	Nguyễn Thị Hằng	09/01/1999	ĐH	GD Tiểu học				49,0	41,0	90,0	
17	TH17	Đinh Thị Hằng	03/6/1992	ĐH	GD Tiểu học				41,0	28,50	69,5	

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn		Đổi tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết		Tổng điểm	Ghi chú	
				Trình độ	Chuyên ngành			Toán	Tiếng Việt			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14

II Vị trí: Giáo viên Tiểu học

18	TH18	Thái Xuân	Hanh	18/10/1988	DH	GD Tiểu học	Con BB	5	28,5	22,50	56,0	
19	TH19	Đinh Thị Thu	Hiền	19/12/1998	DH	GD Tiểu học			31,0	15,50	46,5	
20	TH20	Phạm Thị	Hiền	15/7/1997	DH	GD Tiểu học			38,0	20,0	58,0	
21	TH21	Trần Ngọc	Hiệu	01/9/1999	DH	GD Tiểu học			39,0	24,0	63,0	
22	TH22	Nguyễn Thanh	Hoài	20/5/1999	DH	GD Tiểu học			44,0	35,0	79,0	
23	TH23	Nguyễn Thị	Hoài	23/8/1990	DH	GD Tiểu học			42,0	18,75	60,75	
24	TH24	Phan Thị	Hoài	26/8/1994	DH	GD Tiểu học			38,0	14,50	52,5	
25	TH25	Cao Thị Bông	Hồng	22/10/1998	DH	GD Tiểu học					Vắng thi	
26	TH26	Đinh Thị	Huế	26/6/1995	DH	GD Tiểu học					Vắng thi	
27	TH27	Đinh Văn	Hùng	25/1/1999	DH	GD Tiểu học			38,0	30,0	68,0	
28	TH28	Thái Thị Ngọc	Huyền	02/6/1997	DH	GD Tiểu học			36,0	17,0	53,0	
29	TH29	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/10/1999	DH	GD Tiểu học					Vắng thi	
30	TH30	Cao Thị	Khuyên	26/6/1998	DH	GD Tiểu học			27,0	13,75	40,75	
31	TH31	Lê Thị Kim	Lê	10/10/1990	DH	GD Tiểu học					Vắng thi	
32	TH32	Cao Thị Hồng	Loan	17/11/1990	DH	GD Tiểu học			26,0	15,25	41,25	
33	TH33	Cao Đại	Lộc	15/6/1997	DH	GD Tiểu học	DT thiếu số	5	29,0	22,0	56,0	
34	TH34	Lê Thị	Mai	08/6/1991	DH	GD Tiểu học			33,0	25,0	58,0	
35	TH35	Nguyễn Thị Hằng	Mơ	22/8/1989	DH	GD Tiểu học	Con BB 2/3	5	29,0	21,25	55,25	
36	TH36	Đinh Tuấn	Ngọc	02/5/1988	DH	GD Tiểu học			29,0	21,25	50,25	
37	TH37	Trần Thị Mộng	Ngọc	05/12/1991	DH	GD Tiểu học			37,0	40,0	77,0	
38	TH38	Lê Văn	Ngư	10/3/1989	DH	GD Tiểu học	Con TB	5	30,0	24,0	59,0	
39	TH39	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	06/11/1995	DH	GD Tiểu học			29,0	24,0	53,0	

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Trình độ chuyên môn		Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết		Tổng điểm	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên ngành			Toán	Tiếng Việt		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
	II	Vị trí: Giáo viên Tiểu học										
40	TH40	Trịnh Thị	Nhung	06/4/1995	ĐH	GD Tiểu học			32,0	29,25	61,25	
41	TH41	Đinh Thị Tuyết	Nhung	25/11/1989	ĐH	GD Tiểu học			5,0	9,25	14,25	
42	TH42	Đinh Thị Lệ	Oanh	24/01/1994	ĐH	GD Tiểu học			15,5	23,75	39,25	
43	TH43	Dương Thị	Oanh	16/6/1997	ĐH	GD Tiểu học			17,0	20,0	37,0	
44	TH44	Hà Thị	Oanh	14/4/1992	ĐH	GD Tiểu học			36,0	23,0	59,0	
45	TH45	Phạm Thị Diệu	Phúc	21/9/1995	ĐH	GD Tiểu học			16,0	17,0	33,0	
46	TH46	Nguyễn Thị	Phượng	17/9/1992	ĐH	GD Tiểu học			42,0	29,0	71,0	
47	TH47	Đinh Hồng	Quân	02/11/1992	ĐH	GD Tiểu học					Vắng thi	
48	TH48	Đinh Thị Mỹ	Giang	20/6/1991	ĐH	GD Tiểu học			19,0	22,75	41,75	
49	TH49	Đinh Thị	Quỳnh	20/10/1992	ĐH	GD Tiểu học			19,0	23,50	42,5	
50	TH50	Lê Thị	Thái	20/6/1997	ĐH	GD Tiểu học			31,0	25,0	56,0	
51	TH51	Nguyễn Cẩm	Thăng	22/9/1990	ĐH	GD Tiểu học			48,0	37,0	85,0	
52	TH52	Trương Văn	Thắng	15/9/1997	ĐH	GD Tiểu học					Vắng thi	
53	TH53	Đinh Minh	Thao	11/12/1992	ĐH	GD Tiểu học			17,0	8,0	25,0	
54	TH54	Lê Hương	Thảo	28/6/1999	ĐH	GD Tiểu học			47,0	31,0	78,0	
55	TH55	Đinh Thị	Thơ	04/01/1991	ĐH	GD Tiểu học			20,0	20,25	40,25	
56	TH56	Cao Ngọc	Thoan	01/02/1995	ĐH	GD Tiểu học	Con TB 4/4	5			Vắng thi	
57	TH57	Đinh Thị Hoa	Thơm	15/4/1997	ĐH	GD Tiểu học			30,0	23,0	53,0	
58	TH58	Hoàng Thị Thúy	Tinh	12/12/1997	ĐH	GD Tiểu học			30,0	23,0	53,0	
59	TH59	Trần Thị Thu	Trang	12/12/1998	ĐH	GD Tiểu học			37,0	28,0	65,0	

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn		Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết		Tổng điểm	Ghi chú	
				Trình độ	Chuyên ngành			Toán	Tiếng Việt			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
II Vị trí: Giáo viên Tiểu học												
60	TH60	Đinh Thị Huyền	Trang	22/01/1998	DH	GD Tiểu học					Vắng thi	
61	TH61	Bùi Thị Ngọc	Trinh	18/8/1997	DH	GD Tiểu học		39,0		32,0	71,0	
62	TH62	Đinh Anh	Tuấn	30/7/1994	DH	GD Tiểu học		40,0		32,0	72,0	
63	TH63	Phan Anh	Tuấn	09/01/1997	DH	GD Tiểu học		30,0		25,0	55,0	
64	TH64	Phạm Thị	Yến	25/6/1999	DH	GD Tiểu học		27,0		32,0	59,0	
65	TH65	Trương Thị	Yến	02/9/1995	DH	GD Tiểu học					Vắng thi	

Danh sách này có 65 thí sinh.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021-2022 (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số: 14/TB-HĐTD ngày 03/11/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục)

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn		Đổi tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú	
				Trình độ	Chuyên ngành						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
IV Vị trí: Giáo viên THCS dạy Toán											
1	TO 01	Nguyễn Hải Anh	01/01/1997	DH	SP Toán học				75,0	75,0	
2	TO 02	Trương Thị Chương	03/3/1989	DH	SP Toán học					Vắng thi	
3	TO 03	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/04/1993	DH	Toán					Vắng thi	
4	TO 04	Hoàng Thị Hằng	02/02/1999	DH	SP Toán học				46,0	46,0	
5	TO 05	Lê Thị Duy Hào	10/10/1991	DH	SP Toán				37,5	37,5	
6	TO 06	Nguyễn Thị Hiền	08/5/1985	Thạc sỹ	Toán học				85,0	85,0	
7	TO 07	Lê Thị Linh	07/5/1983	Thạc sỹ	Toán học				68,5	68,5	
8	TO 08	Trần Thị Thắm	07/4/1990	DH	SP Toán học					Vắng thi	
9	TO 09	Nghiêm Thị Hồng Thắm	18/5/1991	DH	SP Toán học				50,0	50,0	
10	TO 10	Nguyễn Thị Thắng	05/9/1989	DH	SP Toán				63,0	63,0	
11	TO 11	Nguyễn Thị Hà Trang	15/8/1999	DH	SP Toán học					Vắng thi	

Danh sách này có 11 thí sinh.

Danh sách này có 11 thí sinh.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO

UBND HUYỆN CẨM XUYỀN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021-2022 (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số: 14/TB-HDTD ngày 03/11/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục)

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn		Đổi tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú	
				Trình độ	Chuyên ngành						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
III Vị trí: Giáo viên THCS dạy Ngữ văn											
1	V/A 01	Hoàng Thị Yến	Anh	17/3/1991	DH	SP Ngữ văn			70,5	70,5	
2	V/A 02	Võ Thị Ánh	Ánh	30/01/1994	DH	SP Ngữ văn				Vắng thi	
3	V/A 03	Võ Thị Bình	Bình	15/10/1990	DH	Văn học	Con BB 2/3	5	63,0	68,0	
4	V/A 04	Tôn Thị Đào	Đào	28/8/1986	DH	SP Ngữ văn				Vắng thi	
5	V/A 05	Lê Thị Diễm	Diễm	05/9/1991	DH	SP Ngữ văn				Vắng thi	
6	V/A 06	Nguyễn Thị Hà	Hà	07/6/1984	DH	SP Ngữ văn			65,0	65,0	
7	V/A 07	Lê Thị Thu Hà	Hà	26/5/1992	DH	Ngữ văn			60,0	60,0	
8	V/A 08	Đậu Thị Hiền	Hiền	04/12/1984	DH	SP Ngữ văn			62,0	62,0	
9	V/A 09	Nguyễn Thị Hiền	Hiền	18/03/1988	DH	SP Ngữ văn				Vắng thi	
10	V/A 10	Đinh Thị Tuyết Lê	Lê	14/01/1998	DH	SP Ngữ văn	DT thiếu số	5		Vắng thi	
11	V/A 11	Nguyễn Thị Diệu Linh	Linh	05/6/1999	DH	SP Ngữ văn			64,0	64,0	
12	V/A 12	Trần Thị Thanh Loan	Loan	03/8/1991	DH	SP Ngữ văn			54,0	54,0	
13	V/A 13	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Ly	01/6/1998	DH	SP Ngữ văn			55,0	55,0	
14	V/A 14	Hoàng Thị Hà My	My	10/4/1991	DH	SP Ngữ văn				Vắng thi	

15	VA 15	Hoàng Thị Kim Ngân	18/8/1992	ĐH	SP Ngữ văn			62,0	62,0	
16	VA 16	Dương Thị Phương Nhụy	15/12/1999	ĐH	SP Ngữ văn			50,0	50,0	
17	VA 17	Phạm Thị Oanh	02/02/1999	ĐH	SP Ngữ văn	Con TB 4/4	5	75,5	80,5	
18	VA 18	Phan Thị Oanh	02/9/1992	ĐH	SP Ngữ văn			68,0	68,0	
19	VA 19	Lê Thị Phương	16/6/1987	ĐH	SP Ngữ văn			65,5	65,5	
20	VA 20	Nguyễn Thị Quyên	20/11/1991	ĐH	SP Ngữ văn			75,0	75,0	
21	VA 21	Nguyễn Thị Thanh	14/4/1989	ĐH	SP Ngữ văn			64,0	64,0	
22	VA 22	Nguyễn Thị Hương Thúy	02/01/1991	ĐH	SP Ngữ văn			60,0	60,0	
23	VA 23	Bùi Quỳnh Trang	07/11/1999	ĐH	SP Ngữ văn			76,0	76,0	
24	VA 24	Đặng Thị Quỳnh Trang	10/01/1989	ĐH	SP Ngữ văn			65,0	65,0	
25	VA 25	Phan Thị Cẩm Tú	19/9/1990	ĐH	SP Ngữ văn				Vắng thi	
26	VA 26	Trần Thị Vân	20/02/1997	ĐH	SP Ngữ văn			66,0	66,0	
27	VA 27	Dương Thị Vinh	14/11/1991	ĐH	SP Ngữ văn	Con TB 4/4	5	60,0	65,0	
28	VA 28	Dương Thị Bảo Yến	10/8/1991	ĐH	SP Ngữ văn			72,0	72,0	

Danh sách này có 28 thí sinh.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC